

PHỤ LỤC 1.

Nguyên tắc, điều kiện chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đối với dịch vụ chứng nhận của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-CCPT6 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của
Giám đốc Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6)*

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này được áp dụng cho dịch vụ chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với:

1.1. Tiêu chuẩn ISO 22000, HACCP, JFS Nhật Bản đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.

1.2. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6 (sau đây gọi tắt là TTV6) và các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tại TTV6 (sau đây gọi tắt là Khách hàng).

3. Điều kiện để được chứng nhận

Cơ sở có đủ điều kiện để được chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm khi:

3.1. Được thành lập phù hợp theo quy định của pháp luật và có lĩnh vực đăng ký chứng nhận phù hợp với phạm vi đăng ký hoạt động;

3.2. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đã được xây dựng và áp dụng phù hợp với chính sách và thủ tục đã được văn bản hóa theo yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn áp dụng;

3.3. Đã tiến hành ít nhất một lần đánh giá nội bộ toàn bộ các yếu tố của hệ thống và ít nhất một lần xem xét lãnh đạo hoặc tiến hành đầy đủ các hoạt động tự thẩm tra.

4. Các bước tiến hành đánh giá, chứng nhận

TTV6 thực hiện đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn theo trình tự và nội dung quy định tại tiêu chuẩn TCVN ISO 19011:2013, TCVN ISO/IEC 17021-1:2015, TCVN ISO/TS 22003-1:2022 và Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

4.1. Tiếp xúc ban đầu

4.1.1. Khách hàng tiếp xúc với TTV6 để được cung cấp các thông tin về điều kiện, chi phí, nội dung, thủ tục chứng nhận và các yêu cầu cần thiết khác để khách hàng nghiên cứu và thấu hiểu về dịch vụ chứng nhận hệ thống quản lý của TTV6.

4.1.2. TTV6 sẽ giải thích để đảm bảo bất kỳ sự khác biệt nào trong cách hiểu

giữa TTV6 và khách hàng đều được giải quyết trước khi khách hàng tiến hành đăng ký chứng nhận.

4.2. Đăng ký chứng nhận

4.2.1. Khách hàng gửi hồ sơ đăng ký đánh giá chứng nhận cho TTV6 bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, fax hoặc e-mail (sau đó gửi bản chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) theo địa chỉ sau:

- Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6
- Địa chỉ: 386C Cách mạng tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình

Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Điện thoại: (0292) 3883648 – 3888732 Fax: (0292) 3884697

- Email: chebien.nafi6@mard.gov.vn

4.2.2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận gồm:

a. Giấy đăng ký chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm;

b. Tài liệu về cơ cấu tổ chức và chính sách của hệ thống (ví dụ như Sổ tay chất lượng, kế hoạch HACCP, các thủ tục điều hành hệ thống,...).

4.2.3. Nếu khách hàng có nhiều địa điểm cần đánh giá chứng nhận thì có thể lựa chọn một trong hai hình thức chứng nhận sau:

a. Chứng nhận riêng cho từng địa điểm: trong trường hợp này, mỗi địa điểm có một hồ sơ đăng ký chứng nhận riêng.

b. Chứng nhận chung: trong trường hợp này, khách hàng chỉ cần làm một bộ hồ sơ chung, trong đó có nêu các địa điểm đó.

4.2.4. TTV6 tiến hành xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận và thông báo cho khách hàng bổ sung thông tin còn thiếu (nếu có) trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký của khách hàng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, khách hàng cần bổ sung trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày. Nếu quá thời hạn đó, việc tiếp nhận sẽ được xem như thực hiện lại từ đầu.

4.2.5. Nếu xét thấy cần thiết, TTV6 tiến hành khảo sát thực tế tại địa điểm của khách hàng nhằm tìm hiểu thực tế các hoạt động của khách hàng và thiết lập mối quan hệ hợp tác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá chứng nhận.

4.2.6. Sau khi xem xét hồ sơ và làm rõ các thông tin cần thiết, TTV6 thông báo chính thức cho khách hàng về việc chấp nhận hồ sơ và tiến hành thương thảo hợp đồng chứng nhận nếu yêu cầu chứng nhận của khách hàng phù hợp với phạm vi hoạt động và năng lực đánh giá chứng nhận của TTV6.

4.3. Chuẩn bị đánh giá

4.3.1. TTV6 trao đổi thông tin với khách hàng để thiết lập chương trình đánh giá phù hợp, thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

4.3.2. TTV6 thông báo dự kiến kế hoạch đánh giá và đoàn chuyên gia đánh giá đến khách hàng đăng ký chứng nhận để khách hàng xem xét.

4.3.3. Sau khi khách hàng chấp thuận các dự kiến, TTV6 sẽ thông báo chính thức thành phần đoàn chuyên gia đánh giá, kế hoạch đánh giá và các yêu cầu cần thiết khác đến khách hàng.

4.4. Đánh giá

Quá trình đánh giá được TTV6 chia ra làm hai giai đoạn gồm đánh giá giai đoạn 1 (đánh giá sơ bộ) và đánh giá giai đoạn 2 (đánh giá chính thức).

4.4.1. Đánh giá giai đoạn 1

a. Mục đích đánh giá giai đoạn 1 là nhằm xem xét sự thích hợp, đầy đủ của hệ thống quản lý và sự sẵn sàng cho việc chứng nhận. TTV6 thực hiện thông qua việc xem xét đánh giá các tài liệu nhận được từ khách hàng và xem xét các điều kiện cần thiết để triển khai áp dụng hệ thống tài liệu đó tại địa điểm của khách hàng.

b. Báo cáo đánh giá giai đoạn 1 được gửi đến khách hàng để khắc phục trước khi đánh giá giai đoạn 2. Kết quả đánh giá giai đoạn 1 cũng có thể dẫn đến việc hoãn hoặc hủy bỏ đánh giá giai đoạn 2.

4.4.2. Đánh giá giai đoạn 2

a. Mục đích của đánh giá giai đoạn 2 là đánh giá việc áp dụng, bao gồm cả tính hiệu lực của hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của khách hàng. Đánh giá giai đoạn 2 được thực hiện tại địa điểm của khách hàng.

b. Các chuyên gia đánh giá sử dụng các phương pháp và kỹ năng cần thiết để thu thập bằng chứng đánh giá nhằm khẳng định tính hiệu lực và sự phù hợp của hệ thống đang được áp dụng so với các yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn đề nghị chứng nhận và các yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

c. Kết quả thu được trong quá trình đánh giá sẽ được thảo luận trong đoàn chuyên gia đánh giá, viết thành báo cáo, thông báo và giải thích trong cuộc họp kết thúc cho khách hàng. Khách hàng được thông báo về trách nhiệm đối với việc khắc phục tất cả các điểm không phù hợp do đoàn chuyên gia đánh giá đưa ra (nếu có).

4.5. Báo cáo đánh giá

4.5.1. Kết thúc quá trình đánh giá, đoàn chuyên gia đánh giá lập báo cáo đánh giá để gửi cho khách hàng và gửi về TTV6 để thẩm xét và quyết định chứng nhận.

4.5.2. Trong trường hợp có những điểm không phù hợp, khách hàng phải thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời gian xác định theo yêu cầu của đoàn chuyên gia đánh giá. Sau khi thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn đã định, khách hàng thông báo bằng văn bản đến TTV6 để xem xét chấp nhận hay phải tiến hành đánh giá bổ sung nhằm thẩm tra, xác nhận hiệu quả của việc khắc phục và hành động khắc phục của khách hàng. Nếu khách hàng không tuân thủ, TTV6 xem như khách hàng tự ý hủy bỏ yêu cầu chứng nhận.

4.6. Quyết định chứng nhận

4.6.1. TTV6 tiến hành thẩm xét hồ sơ đánh giá để đảm bảo rằng các hoạt động đánh giá đã diễn ra theo đúng yêu cầu, đúng thủ tục. Đồng thời, nếu có các điểm không phù hợp thì các điểm không phù hợp đều đã được khách hàng khắc phục một cách kịp thời, thích hợp.

4.6.2. Giấy chứng nhận được cấp không bao hàm cho toàn bộ hoạt động của khách hàng mà chỉ có giá trị đối với các địa điểm cũng như các lĩnh vực cụ thể đã ghi trong giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý ghi rõ nhóm/chúng loại sản nhưng không phải chứng nhận sản phẩm đó.

4.6.3. Giấy chứng nhận cấp cho khách hàng có hiệu lực tối đa không quá 03

(ba) năm kể từ ngày ký với điều kiện khách hàng tuân thủ các yêu cầu của Quy định này.

5. Đánh giá giám sát

5.1. Trong thời gian hiệu lực chứng nhận, TTV6 sẽ tiến hành đánh giá giám sát việc duy trì sự phù hợp của hệ thống được chứng nhận so với các yêu cầu chứng nhận. Đánh giá giám sát được tiến hành theo định kỳ 01 lần/năm, ngày của cuộc đánh giá giám sát đầu tiên không quá 12 tháng kể từ ngày quyết định chứng nhận.

5.2. Nội dung đánh giá giám sát tùy thuộc vào hệ thống được chứng nhận theo các nguyên tắc: TTV6 sẽ đánh giá một phần các yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn chứng nhận và tại một số địa điểm đã được chứng nhận. Nội dung và địa điểm đánh giá sẽ được thay đổi trong các lần đánh giá giám sát để đảm bảo trong thời gian hiệu lực chứng nhận, tất cả các yếu tố của hệ thống quản lý đều được xem xét, đánh giá.

5.3. Nội dung cụ thể của từng lần đánh giá giám sát sẽ được TTV6 thông báo cho khách hàng trong kế hoạch đánh giá giám sát.

5.4. Quá trình đánh giá giám sát được thực hiện tương tự cuộc đánh giá chứng nhận lần đầu nêu tại Mục 4.4.2 của Quy định này.

5.5. Khách hàng được chứng nhận phải khắc phục các điểm không phù hợp trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đánh giá giám sát. Khi không thực hiện sẽ bị xem xét đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng nhận (nêu Mục 10 và Mục 11 của Quy định này).

6. Đánh giá đột xuất

TTV6 có thể cần tiến hành đánh giá đột xuất khách hàng được chứng nhận để xem xét các khiếu nại, các thay đổi của khách hàng (nêu tại mục 14.4) hoặc giám sát khách hàng bị đình chỉ chứng nhận.

7. Đánh giá chứng nhận lại

7.1. Hai tháng trước khi hết hiệu lực chứng nhận, TTV6 sẽ thông báo để khách hàng tiến hành các thủ tục đăng ký đánh giá, cấp lại giấy chứng nhận mới.

7.2. Việc đánh giá lại sẽ được tiến hành theo các bước như đối với đánh giá lần đầu. Giấy chứng nhận cấp lại có giá trị 03 (ba) năm tiếp theo.

8. Mở rộng phạm vi chứng nhận

8.1. Phạm vi chứng nhận được xác định bởi lĩnh vực, địa điểm chứng nhận.

8.2. Sau khi được chứng nhận, khách hàng có thể yêu cầu mở rộng phạm vi chứng nhận cho các lĩnh vực, địa điểm vào bất cứ thời gian nào.

8.3. Quá trình đánh giá mở rộng phạm vi chứng nhận có thể được thực hiện trong các cuộc đánh giá giám sát hoặc một cuộc đánh giá độc lập theo yêu cầu của khách hàng.

9. Thu hẹp phạm vi chứng nhận

Phạm vi chứng nhận có thể bị thu hẹp nếu kết quả đánh giá cho thấy khách hàng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chứng nhận đối với phạm vi đã đăng ký hoặc đã được chứng nhận.

10. Đình chỉ chứng nhận

10.1. TTV6 sẽ đình chỉ tạm thời Giấy chứng nhận nhưng không quá 06 (sáu) tháng trong các trường hợp sau đây:

10.1.1. Khi đánh giá giám sát phát hiện được những điểm không phù hợp nặng so với các yêu cầu quy định hoặc tổ chức không thực hiện các hoạt động khắc phục đã đề ra, nhưng chưa đến mức phải hủy bỏ chứng nhận.

10.1.2. Khách hàng sử dụng sai mục đích Giấy chứng nhận.

10.1.3. Khách hàng không thực hiện các yêu cầu về hành động khắc phục được chấp nhận theo đúng thời gian quy định.

10.1.4. Các trường hợp khác như có những hành vi làm ảnh hưởng xấu tới hoạt động chứng nhận,... sẽ do TTV6 xem xét, quyết định.

10.2. TTV6 sẽ thông báo chính thức bằng văn bản về việc đình chỉ chứng nhận và yêu cầu khách hàng thực hiện các biện pháp khắc phục.

10.3. Sau thời hạn đình chỉ chứng nhận, TTV6 sẽ:

10.3.1. Quyết định và thông báo cho khách hàng được tiếp tục duy trì chứng nhận nếu khách hàng thực hiện phù hợp các biện pháp khắc phục đã nêu, hoặc

10.3.2. Hủy bỏ chứng nhận nếu khách hàng không thực hiện các biện pháp khắc phục.

11. Hủy bỏ chứng nhận

11.1. TTV6 sẽ hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

11.1.1. Khách hàng không thực hiện các biện pháp khắc phục các lỗi bị đình chỉ chứng nhận trong vòng 03 (ba) tháng.

11.1.2. Khách hàng bị phá sản hoặc ngừng sản xuất quá 01 (một) năm.

11.1.3. Khách hàng không duy trì có hiệu lực hệ thống quản lý đã được chứng nhận.

11.1.4. Theo đề nghị của khách hàng.

11.2. Khi Giấy chứng nhận hết hạn hoặc bị hủy bỏ, khách hàng phải:

11.2.1. Ngừng sử dụng Giấy chứng nhận và ngừng tuyên bố về chứng nhận của TTV6 trong các hoạt động có liên quan.

11.2.2. Ngừng mọi hình thức quảng cáo về việc được chứng nhận hệ thống quản lý.

11.2.3. Hoàn trả Giấy chứng nhận cho TTV6.

12. Thay đổi yêu cầu chứng nhận

12.1. Khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hay thủ tục chứng nhận, TTV6 sẽ thông báo cho khách hàng những thay đổi đó và đồng thời quy định một thời gian hợp lý để khách hàng có thể điều chỉnh các quá trình, các thủ tục cho phù hợp với các yêu cầu đã thay đổi.

12.2. Nếu khách hàng không có khả năng đáp ứng được các thay đổi này, TTV6 có thể yêu cầu khách hàng ngừng sử dụng Giấy chứng nhận cho đến khi

khách hàng tiếp tục thỏa mãn các điều kiện, hoặc cho đến khi khiếu nại của khách hàng được giải quyết.

13. Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận

Sau khi được chứng nhận, khách hàng được cấp Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Cách ghi, sử dụng Dấu hiệu chứng nhận được TTV6 nêu chi tiết trong văn bản hướng dẫn sử dụng Dấu hiệu chứng nhận của TTV6.

14. Trách nhiệm của khách hàng

14.1. Khách hàng yêu cầu chứng nhận phải lập hồ sơ đăng ký và phải đảm bảo thỏa mãn các điều kiện như đã nêu trong Mục 3 của Quy định này.

14.2. Khách hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, dữ liệu, kể cả các thông tin trao đổi giữa khách hàng và các cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, đồng thời tạo mọi điều kiện cần thiết để đoàn chuyên gia đánh giá, thực hiện nhiệm vụ trong quá trình đánh giá.

14.3. Khách hàng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hiệu lực của hệ thống đã được chứng nhận và liên tục duy trì hệ thống này phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn/quy chuẩn áp dụng.

14.4. Khách hàng phải thông báo bằng văn bản cho TTV6 để tiến hành xem xét và có quyết định thích hợp nếu khách hàng có bất kỳ thay đổi nào về:

14.4.1. Chính sách.

14.4.2. Tên tổ chức được chứng nhận hoặc địa chỉ.

14.4.3. Đại diện lãnh đạo.

14.4.4. Cơ cấu tổ chức.

14.4.5. Quá trình sản xuất.

14.5. Khách hàng được chứng nhận phải:

14.5.1. Lưu giữ toàn bộ các ý kiến phản ánh, khiếu nại liên quan đến hệ thống được chứng nhận và sẵn sàng cung cấp cho TTV6 khi có yêu cầu.

14.5.2. Tiến hành các biện pháp thích hợp để xử lý các khiếu nại và thiếu sót ảnh hưởng đến sự phù hợp với các yêu cầu chứng nhận.

14.5.3. Lập hồ sơ các biện pháp khắc phục đã tiến hành và kết quả thực hiện.

14.6. Giấy chứng nhận, Dấu hiệu chứng nhận chỉ được sử dụng trong các điều kiện sau:

14.6.1. Dấu hiệu chứng nhận được sử dụng trong các tiêu đề, quảng cáo, chứng từ và các tài liệu tiếp thị liên quan đến các sản phẩm đã được chỉ rõ trong phạm vi chứng nhận.

14.6.2. Không được phép sử dụng Dấu hiệu chứng nhận trực tiếp trên sản phẩm hoặc gắn liền với sản phẩm đến mức có thể gây hiểu lầm rằng TTV6 đã chứng nhận sản phẩm này.

14.6.3. Khách hàng được chứng nhận phải ngừng sử dụng Dấu hiệu chứng nhận khi TTV6 có ý kiến bằng văn bản về cách thức sử dụng có thể gây hiểu lầm đến đối tượng và phạm vi chứng nhận. Khi đó, khách hàng phải ngừng mọi

tuyên bố đến quyền sử dụng Dấu hiệu chứng nhận.

14.6.4. Khi hết hạn hiệu lực Giấy chứng nhận, hoặc khi bị đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận, khách hàng phải lập tức chấm dứt sử dụng Dấu hiệu chứng nhận đồng thời không được tiếp tục sử dụng các tài liệu, phương tiện có in Dấu hiệu chứng nhận.

14.6.5. Không được chuyển nhượng Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận.

15. Quyền của khách hàng được chứng nhận

Khách hàng có hệ thống được cấp Giấy chứng nhận có các quyền lợi sau:

15.1. Được quyền quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

15.2. Được sử dụng Dấu hiệu chứng nhận.

15.3. Được sử dụng kết quả chứng nhận cho các tài liệu kỹ thuật, đấu thầu và các công tác khác theo yêu cầu của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật An toàn thực phẩm.

15.4. Được TTV6 công bố trong “Danh sách khách hàng được chứng nhận” và trên các phương tiện thông tin khác.

16. Bảo mật

TTV6 có trách nhiệm bảo mật thông tin và quyền lợi của khách hàng có yêu cầu chứng nhận. Các chuyên gia tham gia vào quá trình đánh giá của TTV6 đều phải ký cam kết bảo mật thông tin.

17. Chi phí

Khách hàng đăng ký chứng nhận trả chi phí đánh giá, chứng nhận, giám sát và các chi phí khác cho TTV6 theo thỏa thuận và quy định khác của Nhà nước.

18. Khiếu nại

Khách hàng muốn phản ánh hay khiếu nại về hoạt động đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm có thể phản ánh hoặc gửi đơn khiếu nại cho TTV6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận khiếu nại, TTV6 sẽ xem xét, xử lý và thông báo bằng văn bản đến khách hàng.